

Bản án số: 08/2024/HS-ST
Ngày: 21 - 3 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HÀ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Dương Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Thế Hòa và bà Nguyễn Bích Thủy

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Hồng Sơn, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phượng, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2024/HSST ngày 28 tháng 02 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2024/HSST-QĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Thị M** (tên gọi khác: không); Sinh ngày 10/01/1976 tại huyện T, tỉnh Thái Bình;

Nơi thường trú: khu G, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lê Ngọc D** (đã chết) và bà **Phạm Thị T**; chồng: **Nguyễn Văn Đ** và có 02 con; tiền án, tiền sự: chưa; đầu thú, tạm giữ từ ngày 22/12/2023 đến ngày 28/12/2023. Hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" và "Tạm hoãn xuất cảnh". Có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn S** (tên gọi khác: không); sinh ngày 08/9/1958, tại huyện H, tỉnh Quảng Ninh;

Nơi thường trú: khu G, thị trấn Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Duy T1** và bà **Lý Thị N**; vợ: **Ngô Thị Y** và có 04 con; tiền án, tiền sự: chưa; đầu thú, tạm giữ từ ngày 20/12/2023 đến ngày 28/12/2023. Hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" và "Tạm hoãn xuất cảnh". Có mặt.

- Người làm chứng: **Đinh Trần Nguyên V**; **Đào Văn Q**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2023, do bán hàng tạp hóa thu nhập thấp, lại thấy Nguyễn Văn S có nhà ở gần công chính khu công nghiệp T, Lê Thị M thấy đây là địa điểm thuận lợi cho việc ghi lô đề nên đã đặt vấn đề với S ghi cho khách rồi chuyển bảng cho M để hưởng tiền “hoa hồng”, S đồng ý. Cả hai thỏa thuận như sau:

Về đánh đề: Người chơi chọn 01 (một) hoặc nhiều số có hai chữ số bất kỳ từ 00 đến 99, “một chấm đề” tương ứng với số tiền 1.000 đồng. Nếu số đã chọn trùng với hai chữ số cuối của giải đặc biệt kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc trong ngày chơi đó thì trúng thưởng theo tỷ lệ một gấp tám mươi lần.

Về đánh lô: Người chơi chọn 01 (một) hoặc nhiều số có hai chữ số bất kỳ từ 00 đến 99, “một điểm lô” tương ứng với số tiền 23.000 đồng. Nếu số đã chọn trùng với hai số cuối của toàn bộ các giải trong hệ thống giải thưởng của kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc trong ngày chơi đó, thì trúng thưởng theo tỷ lệ “một điểm” trúng được tám mươi nghìn đồng.

Về lô xiên 2, xiên 3: Người chơi chọn 02 số hoặc 03 số có hai chữ số từ 00 đến 99 thành các bộ và các bộ số này được so với 02 số cuối của các giải thưởng xổ số kiến thiết Miền Bắc trong ngày chơi đó, nếu trùng cả bộ người chơi sẽ thắng theo tỷ lệ “một điểm” được nhân 10 lần số tiền mà người chơi bỏ ra nếu là xiên 2 hoặc nhân 40 lần số tiền mà người chơi bỏ ra nếu là xiên 3.

Về ba càng: Người chơi chọn 01 (một) hoặc nhiều số có ba số bất kỳ từ 000 đến 999, nếu số đã chọn trùng với ba chữ số cuối của giải đặc biệt kết quả xổ số kiến thiết Miền B trong ngày chơi đó thì trúng thưởng theo tỷ lệ một gấp bốn trăm lần.

M và S thống nhất quy ước mỗi số lô giá 23.000 đồng/01 điểm thì M trả cho S tiền “hoa hồng” là 1.000 đồng/01 điểm, còn đối với số đề, ba càng, lô xiên thì cứ mỗi 100.000 đồng M trả cho S 17% hoa hồng (nghĩa là khách đánh 100.000 đồng thì S được hưởng 17.000 đồng). Hằng ngày, S sẽ nhận ghi lô đề cho khách, ghi chép vào một tờ giấy A4 (làm bảng lô đề) rồi chụp bảng gửi cho M vào khung giờ từ 18 giờ 00 phút đến 18 giờ 10 phút qua ứng dụng Zalo. M nhận bảng rồi đối chiếu kết quả, ngày hôm sau sẽ đến tận nhà S để thanh toán bằng tiền mặt (vì nhà ở gần và S không dùng tài khoản ngân hàng). Sau đó S sẽ huỷ bảng lô đề để tránh bị phát hiện.

Ngày 20/12/2023, tại nhà S thuộc khu G, thị trấn Q, S đã nhận ghi số lô đề cho một số khách vắng lai (không xác định được lai lịch địa chỉ), cùng Đinh Trần Nguyên V và Đào Văn Q được tổng số tiền 10.535.000 đồng. Trong đó: Vũ ghi số đề 32 = 200.000 đồng, số lô 26 = 100 điểm (tương ứng với 2.300.000 đồng) còn Q ghi số lô 87 = 100 điểm (tương ứng với 2.300.000 đồng), số đề 23

= 300.000 đồng. Sau khi ghi lô đề cho **V** và **Q**, **S** viết cho mỗi người 01 (một) tờ phơ đề để cầm về đối chiếu kết quả, tiếp đó **S** chụp ảnh toàn bộ bảng lô đề (trên tờ giấy A4) của **S** gửi cho **Lê Thị M** qua ứng dụng Zalo. Khoảng 18 giờ 15 phút cùng ngày, khi **V** và **Q** vừa ra khỏi cửa nhà **S** thì bị lực lượng Công an đến kiểm tra, phát hiện trên tay mỗi người một mảnh giấy bìa cứng theo **V** và **Q** khai là phơ đề do **S** vừa ghi và đưa cho. Cùng ngày, **S** đến Công an huyện H đầu thú và tự nguyện giao nộp lại 01 (một) tờ giấy kích cỡ A4 ghi lô đề trong ngày 20/12/2023, 01 (một) quyển vở ô ly, số tiền 11.270.000 đồng (trong đó có 10.535.000 đồng là tiền ghi lô đề được trong ngày 20/12/2023) và 01 (một) chiếc điện thoại di động, 01 (một) căn cước công dân của **S**.

Trong ngày 20/12/2023 ngoài việc nhận bảng lô đề của **S**, tại nhà **M** thuộc khu G, **Lê Thị M** còn tự mình ghi lô của một số khách vắng lai (không xác định được lai lịch) được số tiền 300.000 đồng. Ngày 22/12/2023, **M** đến Công an huyện H đầu thú, giao nộp số tiền 300.000 đồng tiền Mén ghi lô đề của khách, 01 (một) điện thoại di động **M** sử dụng để liên lạc với **S**.

Vật chứng thu giữ gồm: 02 (hai) mảnh giấy bìa cứng, 01 (một) tờ giấy kích cỡ A4; 01 (một) căn cước công dân của **Nguyễn Văn S**; 01 (một) quyển vở ô ly; 02 (hai) điện thoại di động của **S** và **M**; tổng số tiền 11.570.000 đồng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, **Nguyễn Văn S** và **Lê Thị M** khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

+ Người làm chứng: **Đinh Trần Nguyễn V1** và **Đào Văn Q** đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai tại cơ quan điều tra phù hợp lời khai của **Nguyễn Văn S** về thời gian, địa điểm tham gia đánh bạc bằng hình thức ghi số lô đề của **S**. **V1** ghi 200.000 đồng số đề 32, số lô 26 ghi 100 điểm (tương ứng với 2.300.000 đồng) còn **Q** ghi 100 điểm số lô 87 (tương ứng với 2.300.000 đồng), ghi 300.000 đồng số đề 23. **S** ghi số lô, đề của từng người vào từng mảnh giấy cứng rồi đưa cho **V1** và **Q** để sau này so sánh, đối chiếu.

*Tại Cáo trạng số 09/CT-VKSHH, ngày 28/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh truy tố các bị cáo **Nguyễn Văn S** và **Lê Thị M** về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố đã giữ nguyên quyết định truy tố và luận tội đối với các bị cáo; sau khi phân tích nội dung vụ án, tính nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò trong vụ án, đã đề nghị với Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo **Lê Thị M** từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, thời gian tạm giữ (từ ngày 22/12/2023 đến ngày 28/12/2023) được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ; đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn S** từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, thời gian tạm giữ (từ ngày

22/12/2023 đến ngày 28/12/2023) được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Giao các bị cáo **Lê Thị M**, **Nguyễn Văn S** cho **UBND thị trấn Q**, **huyện H**, **tỉnh Quảng Ninh** nơi bị cáo **S**, bị cáo **M** cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với **UBND thị trấn Q** trong việc giám sát, giáo dục **Nguyễn Văn S**, **Lê Thị M**.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với cả hai bị cáo.

**) Về xử lý vật chứng: Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:*

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước: số tiền 10.835.000đ (mười triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu xanh đen; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng-trắng.

- Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) sim điện thoại (01 sim trong điện thoại Vivo; 01 sim trong điện thoại Iphone)

- Lưu trong hồ sơ vụ án: 01 (một) quyển vở ô ly, kích thước (17x24)cm, bìa màu hồng, bên trong có 03 mặt giấy được ghi chữ và số bằng mực.

- Trả lại **Nguyễn Văn S** số tiền 735.000 đồng (bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Các bị cáo không tranh luận với lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát mà thừa nhận hành vi phạm tội.

Lời nói sau cùng: các bị cáo đều tỏ ra ăn năn, hối cải về hành vi đã vi phạm; đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra **Công an huyện H**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, các bị cáo, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; tại phiên tòa, các bị cáo tiếp tục không có ý kiến gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Nhận định của Hội đồng xét xử về những chứng cứ xác định bị cáo có tội: Đánh giá nội dung biên bản kiểm tra, đơn xin đầu thú; lời khai nhận tội của các bị cáo **Nguyễn Văn S** và **Lê Thị M** tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp

với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu khác trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Ngày 20/12/2023, tại khu G, thị trấn Q, huyện H, Lê Thị M, Nguyễn Văn S có hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức ghi số lô đề cho Đinh Trần Nguyên V, Đào Văn Q và một số khách (không xác định được lai lịch, địa chỉ) với tổng số tiền 10.535.000 đồng. Ngoài ra, Lê Thị M còn ghi lô đề được 300.000 đồng, tổng số tiền đánh bạc của Lê Thị M trong ngày 20/12/2023 là 10.835.000 đồng.

Do đó, hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Văn S và Lê Thị M đã cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Quan điểm truy tố và luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hà là có căn cứ pháp lý.

Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất cứ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.” ...

Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi do lỗi cố ý, nhận thức rõ hành vi đánh bạc là một tệ nạn xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng mà trực tiếp là xâm phạm đến nếp sống văn minh của xã hội. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt tương xứng đối với bị cáo mới có tác dụng giáo dục và phục vụ công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

[3]. Về áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò trong vụ án:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: cả hai bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo và tại phiên tòa tiếp tục khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải, do đó các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, sau khi phạm tội các bị cáo đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình nên đã tự giác đầu thú, bị cáo S khi phạm tội đã hơn 65 tuổi đã từng tham gia thực hiện nghĩa vụ quân sự phục vụ trong quân ngũ, bị cáo M có bố đẻ là người được tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Nhì cùng nhiều thành tích khác, bản thân bị cáo M cũng tích cực tham gia các hoạt động phong trào tại địa phương được khen thưởng, nên Hội đồng xét xử thấy cần thiết cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Về vai trò trong vụ án: mặc dù là vụ án đồng phạm, bị cáo Lê Thị M là

người khởi xướng, bị cáo **S** là người thực hiện nhưng tính chất đơn giản nên **S** có vai trò sau **M**.

[4]. Sau khi xem xét, đánh giá tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội Hội đồng xét xử thấy các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đồng thời không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, chấp hành chính sách của địa phương nơi cư trú, do đó xét thấy không cần thiết phải cách ly người phạm tội khỏi xã hội nên Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát áp dụng Điều 36 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được cải tạo không giam giữ tại địa phương để các bị cáo thấy được tính nhân đạo cùng sự khoan hồng của pháp luật mà tích cực tu dưỡng, rèn luyện bản thân thành người lương thiện, công dân có ích cho xã hội và gia đình.

Trong quá trình điều tra, bị cáo **Nguyễn Văn S** bị tạm giữ 08 ngày (từ ngày 20/12/2023 đến ngày 28/12/2023), bị cáo **Lê Thị M** bị tạm giữ 06 ngày (từ ngày 22/12/2023 đến ngày 28/12/2023), thời hạn tạm giữ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Do đó, bị cáo **S** được trừ 24 ngày, bị cáo **M** được trừ 18 ngày vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

[5]. Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Đồng thời, theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự, người bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ có thể bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% sung quỹ Nhà nước. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định, đồng thời bị cáo **S** là người cao tuổi, bị cáo **M** là phụ nữ có sức khỏe kém nên Hội đồng xét xử cho các bị cáo được miễn khấu trừ thu nhập và không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6]. Về vật chứng và xử lý vật chứng:

- 01 (một) tờ giấy hình chữ nhật có chữ ký của **Nguyễn Văn S**, 02 (hai) tờ pho đề ghi ngày 20/12/2023 thu được của **V** và **Q** do các đối tượng nộp là tài liệu trong quá trình điều tra cần tiếp tục lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

- 01 (một) quyển vở ô ly, kích thước (17x24)cm, bìa màu hồng, bên trong có 03 (ba) mặt giấy được ghi chữ và số bằng mực xanh tài liệu trong quá trình điều tra cần đưa vào lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

- Số tiền 300.000 đồng thu giữ của **Lê Thị M**, số tiền 10.535.000 đồng tiền ghi lô đề ngày 20/12/2023 thu giữ của **Nguyễn Văn S**, 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu xanh đen; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng-trắng là vật chứng liên quan đến việc phạm tội nên cần tịch thu, sung ngân sách Nhà nước.

- 02 (hai) sim điện thoại (01 sim gắn trong điện thoại Vivo; 01 sim gắn trong điện thoại Iphone) không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 735.000 đồng thu giữ của **Nguyễn Văn S** không liên quan đến

việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo **S**.

- 01 (một) căn cước công dân của **Nguyễn Văn S** là giấy tờ cá nhân của bị cáo, đã được trả lại cho bị cáo là phù hợp, nên không đề cập xử lý.

[7]. Về nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm: cần buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo **Nguyễn Văn S** là người cao tuổi, tại phiên tòa bị cáo đề nghị được miễn án phí nên thấy có căn cứ áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận đề nghị của bị cáo **S**.

[8]. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]. Đối với **Đình Trần Nguyên V** và **Đào Văn Q** có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền với **Nguyễn Văn S** bằng hình thức mua lô, đề nhưng chưa đủ yếu tố xử lý về hình sự. Do đó, Công an huyện H đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với **Đình Trần Nguyên V** và **Đào Văn Q** là phù hợp nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

Đối với những khách vắng lai (không rõ lai lịch, địa chỉ) mua số lô đề của **Nguyễn Văn S** và **Lê Thị M**, quá trình điều tra không xác định được lai lịch, địa chỉ nên không có căn cứ xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo **Nguyễn Văn S** và bị cáo **Lê Thị M** (đều không có tên gọi khác).

Phạm tội: “Đánh bạc”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Văn S** 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 08 ngày tạm giữ, **Nguyễn Văn S** còn phải chấp hành 11 tháng 06 ngày cải tạo không giam giữ.

Xử phạt: bị cáo **Lê Thị M** 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 06 ngày tạm giữ, **Lê Thị M** còn phải chấp hành 11 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời điểm chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Giao các bị cáo **Nguyễn Văn S** và **Lê Thị M** cho Ủy ban nhân dân thị trấn **Q**, huyện H, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian cải

tạo không giam giữ. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn Q trong việc giám sát, giáo dục người đó.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Nguyễn Văn S và Lê Thị M.

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 03; 04/LCCT-TA, ngày 28 tháng 02 năm 2024 và Quyết định tạm hoãn xuất cảnh số 06; 07/QĐ-TA ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh đối với các bị cáo Nguyễn Văn S và Lê Thị M.

***) Về xử lý vật chứng:**

Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước: số tiền 10.835.000đ (mười triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng); 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu vàng-trắng; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, màu xanh đen;

- Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) sim điện thoại (trong đó: 01 (một) sim gắn trên điện thoại Iphone; 01(một) sim gắn trên điện thoại Vivo);

- Chuyển Tòa án lưu trữ trong hồ sơ vụ án: 01 (một) quyển vở ô ly, kích thước (17x24)cm, bìa màu hồng, bên trong có 03 mặt giấy được ghi chữ và số bằng mực xanh;

- Trả lại Nguyễn Văn S: số tiền 735.000đ (bảy trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

(Tình trạng vật chứng trên theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh).

***) Về nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Thị M phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn S được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

***) Về quyền kháng cáo:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND huyện Hải Hà;
- Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Cơ quan Thi hành án HS+DS;
- Bị cáo;
- Lưu án văn + Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Thu Hà